|  |  |
| --- | --- |
| 0 UBND TỈNH THANH HÓA**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-SNN&PTNT | *Thanh Hoá, ngày tháng 5 năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

 **Dự thảo**

**Về việc ban hành Quyết định quy định điều kiện và mức hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển theo Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Thực hiện Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, theo đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng quy định mức hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển; Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

- Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển;

- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Kế hoạch đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

**2. Sự cần thiết**

Tổng số tàu cá trong toàn tỉnh tính đến ngày 31/3/2024 là 6.057 chiếc; trong đó, hoạt động vùng ven bờ là 4.246 chiếc (Lmax<12m), vùng lộng là 716 chiếc (Lmax từ 12m÷<15m), vùng khơi là 1.095 chiếc (Lmax ≥15 m); cơ cấu nghề khai thác thủy sản trong tỉnh rất đa dạng, từ các nghề truyền thống khai thác ven bờ đến các nghề khai thác xa bờ, cơ cấu nghề được phân bổ chủ yếu: nghề lưới kéo chiếm 19,4%; nghề lưới vây chiếm 4,3%; nghề lưới rê chiếm 21,9%; nghề câu chiếm 5,0%; nghề chụp chiếm 5,5%; hậu cần, chiếm 2,6%; nghề lồng bẫy và nghề khác chiếm 41,2% tổng số tàu cá.

Từ năm 2013 đến năm 2023, tỉnh Thanh Hóa đã xảy ra 222 vụ tai nạn tàu cá, trong đó tai nạn do thiên tai trên biển là 133 vụ, làm 30 người bị thương, 41 người chết và mất tích, làm 95 tàu cá chìm đắm mất tích, 36 tàu cá hư hỏng, thiệt hại về tài sản ước tính 73,302 tỷ đồng *(Cụ thể phụ lục 1)*. Thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành của về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển, UBND tỉnh Thanh Hóa thực hiện hỗ trợ cho chủ tàu cá theo mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ tàu thuyền của ngư dân; gia đình có người bị chết, mất tích và người bị thương do bão lũ năm 2009 cộng thêm trượt giá; theo đó, từ năm 2013 đến năm 2023 đã thực hiện hỗ trợ cho 71 chủ tàu cá với tổng số tiền hỗ trợ 3,502 tỷ đồng *(Cụ thể phụ lục 2)*.

Tuy nhiên, sau nhiều năm, việc triển khai hỗ trợ cho tàu cá bị thiệt hại do thiên tai trên biển có một số bất cập: (1) mức hỗ trợ theo mức quy định tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 và cộng thêm phần trượt giá 20% phần hỗ trợ thiệt hại tàu và ngư cụ đã không còn phù hợp với sự phát triển của đội tàu cá của tỉnh, (2) Việc quản lý tàu cá chuyển từ phân chia theo công suất chuyển sang theo chiều dài lớn nhất. Vì vậy cần thiết phải xây dựng Quyết định quy định điều kiện, mức hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển theo khoản 1 Điều 3 Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

(Đối với nội dung mức hỗ trợ con giống thủy sản, lồng bè bị thiệt hại do thiên tai trên biển không quy định tại Quyết định này do đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định chi tiết mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh).

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH**

**1. Mục đích**

- Hỗ trợ những ngư dân có tàu cá thiệt hại do thiên tai trên biển, qua đó giúp cho ngư dân bớt khó khăn để phục hồi sản xuất, yên tâm vươn khơi bám biển góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

- Quy định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân trong quá trình tham gia thụ hưởng chính sách, bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**2. Quan điểm xây dựng**

- Thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về phát triển thủy sản bền vững, hỗ trợ khôi phục sản xuất sau thiệt hại do thiên tai; đảm bảo thống nhất, không chồng chéo với các chính sách hỗ trợ hiện có.

- Chính sách đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; khả thi khi triển khai thực hiện. Các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn kinh phí hỗ trợ thuận lợi nhất để yên tâm khôi phục sản xuất, tiếp tục vươn khơi bám biển góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

Ngày 19/5/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1712/QĐ-UBND về việc phê duyệt hỗ trợ ngư dân huyện Hậu Lộc khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển năm 2023, theo đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể về mức hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển.

Ngày 04/7/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Tờ trình số 147/TTr-SNN&PTNT về việc đề nghị phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ “xây dựng quy định cụ thể về mức hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển”.

Ngày 06/7/2023, UBND tỉnh ban hành công văn số 9609/UBND-NN về việc giao tham mưu giải quyết đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng quy định cụ thể về mức hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh để thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ".

Ngày 28/12/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, theo đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu xây dựng quy định mức hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh để
thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng
Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro do thiên tai trên biển.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 20/1/2024 về việc ban hành Kế hoạch chi tiết công tác chuẩn bị xây dựng các đề án và thành lập các Tổ tham mưu xây dựng đề án được giao chủ trì năm 2024. Chi cục Thủy sản ban hành Quyết định số 26/QĐ-CCTS ngày 19/2/2024 về việc thành lập Tổ công tác xây dựng quy định cụ thể về mức hỗ trợ ngư dân trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ công tác đã triển khai các hoạt động cụ thể:

1. Tổ chức khảo sát, xây dựng giá thành đóng mới tàu cá và thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 2013-2023, theo nhóm tàu cá chiều dài gồm: nhóm 6m đến dưới 12m; nhóm 12m đến dưới 15m; nhóm trên 15m, nghề khai thác gồm lưới kéo, lưới vây, lưới rê, câu, chụp, hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản và nghề khác tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển và thành phố Thanh Hóa và các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá.

2. Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định và các văn bản liên quan gửi UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển, thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan đề nghị tham gia ý kiến.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành: Công văn số 1775/SNN&PTNT-TS ngày 05/4/2024; Công văn số 1797/SNN&PTNT-TS ngày 08/4/2024 gửi Cục Thủy sản, Cục Kiểm ngư, các sở, ngành, UBND các huyện,TX,TP ven biển, TP Thanh Hóa và các đơn vị liên quan về việc tham gia ý kiến dự thảo các văn bản ban hành Quyết định; đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN QUYẾT ĐỊNH**

**1. Bố cục**

- Dự thảo Quyết định gồm 07 điều:

+ Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

+ Điều 2. Điều kiện hỗ trợ

+ Điều 3. Mức hỗ trợ

+ Điều 4. Trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện

+ Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

+ Điều 6. Hiệu lực thi hành

+ Điều 7. Trách nhiệm thi hành

**2. Nội dung cơ bản**

**2.1.** **Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Quyết định này quy định điều kiện, mức hỗ trợ cho tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá đăng ký trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bị thiệt hại do thiên tai trên biển, ven biển, hải đảo (sau đây gọi tắt là trên biển) theo khoản 1 Điều 3 Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

**2.2. Điều kiện hỗ trợ**

a) Tàu cá bị thiệt hại do thiên tai trên biển có mức thiệt hại về vật chất tối thiểu từ 30% trở lên theo quy định tại Điều 3, Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Kế hoạch đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai báo với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi đặt trụ sở (đối với tổ chức), hộ khẩu thường trú (đối với hộ gia đình, cá nhân) chậm nhất 10 ngày kể từ ngày bị rủi ro do thiên tai trên biển.

c) Tàu cá có các loại giấy tờ sau còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra vụ việc thiệt hại do thiên tai trên biển:

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- Giấy phép khai thác thủy sản.

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên).

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên).

c) Lắp đặt và duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình tàu cá từ lúc rời bến đến khi xảy ra vụ việc thiệt hại do thiên tai trên biển (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên).

d) Thực hiện xóa đăng ký tàu cá (đối với tàu cá mất tích, chìm, phá hủy, hư hỏng hoàn toàn).

**2.3. Mức hỗ trợ**

2.3.1. Mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn

a) Hỗ trợ đối với tàu cá:

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên: 250 triệu đồng/tàu cá vỏ gỗ và 350 triệu đồng/tàu vỏ thép.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m: 150 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m: 75 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: 40 triệu đồng/tàu.

b) Hỗ trợ đối với ngư cụ và các trang thiết bị:

b.1) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 125 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm nghề câu, hậu cần, lưới kéo, lồng bẫy: 65 triệu đồng/tàu.

b.2) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 110 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm lưới kéo, lồng bẫy, hậu cần: 60 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm nghề câu, pha xúc, te và các nghề khác: 35 triệu đồng/tàu.

b.3) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 25 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm lưới kéo, lồng bẫy, pha xúc, câu, te và các nghề khác: 20 triệu đồng/tàu.

b.4) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: Tàu cá làm nghề lưới rê, lưới kéo và các nghề khác: 5 triệu đồng/tàu.

2.3.2. Mức hỗ trợ thiệt hại rất nặng:

a) Hỗ trợ đối với tàu cá:

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên: 175 triệu đồng/tàu vỏ gỗ và 245 triệu đồng/tàu vỏ thép.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m: 105 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m: 55 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: 28 triệu đồng/tàu.

b) Hỗ trợ đối với ngư cụ và các trang thiết bị:

b.1) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 87,5 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm nghề câu, hậu cần, lưới kéo, lồng bẫy: 45,5 triệu đồng/tàu.

b.2) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 77 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm lưới kéo, lồng bẫy, hậu cần: 42 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm nghề câu, pha xúc, te và các nghề khác: 24,5 triệu đồng/tàu.

b.3) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 17,5 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm lưới kéo, lồng bẫy, pha xúc, câu, te và các nghề khác: 14 triệu đồng/tàu.

b.4) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: Tàu cá làm nghề lưới rê, lưới kéo và các nghề khác: 3,5 triệu đồng/tàu.

2.3.3. Mức hỗ trợ thiệt hại nặng:

a) Hỗ trợ đối với tàu cá:

 - Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên: 125 triệu đồng/tàu vỏ gỗ và 175 triệu đồng/tàu vỏ thép.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m: 75 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m: 40 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: 20 triệu đồng/tàu.

b) Hỗ trợ đối với ngư cụ và các trang thiết bị:

b.1) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 62,5 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm nghề câu, hậu cần, lưới kéo: 32,5 triệu đồng/tàu.

b.2) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 55 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm lưới kéo, lồng bẫy, hậu cần: 30 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm nghề câu, pha xúc, te và các nghề khác: 24,5 triệu đồng/tàu.

b.3) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m:

- Tàu cá làm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: 12,5 triệu đồng/tàu.

- Tàu cá làm lưới kéo, lồng bẫy, pha xúc, câu, te và các nghề khác: 10 triệu đồng/tàu.

**2.4. Cơ sở tính toán**

2.4.1. Giá thành đóng mới, mua mới đối với tàu cá (bao gồm vỏ, máy tàu):

a) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên: Tàu cá vỏ gỗ, có lắp máy công suất từ 600CV đến 1.200CV, giá trị trung bình 5.000 triệu đồng; tàu vỏ thép giá trị trung bình khoảng 7.000 triệu đồng (giá tại thời điểm khảo sát). Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn khoảng 5% giá trị tàu cá, tương đương khoảng 250 triệu đồng đối tàu cá vỏ gỗ và 350 triệu đồng đối với tàu cá vỏ thép (chưa có quy định mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 để so sánh).

b) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m: Tàu cá vỏ gỗ, có lắp máy công suất từ 300CV đến 600CV, giá trị trung bình 3.000 triệu đồng. Do đó đề xuất, mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% giá trị tàu cá, tương ứng 150 triệu đồng, tăng thêm 90 triệu đồng, tăng 2,5 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá 250CV trở lên, tăng 2 lần so với mức đã hỗ trợ năm 2020 và năm 2023.

c) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m: Tàu cá vỏ gỗ, có lắp máy công suất từ 90CV đến 300CV, giá trị trung bình 1.500 triệu đồng. Đề xuất, mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn, bằng khoảng 5% giá trị tàu cá, tương ứng 75 triệu đồng, tăng 2,14 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá từ 90CV - 250CV, tăng 1,25 lần so với mức đã được hỗ trợ năm 2017, 2018.

d) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m:

- Tàu cá vỏ bằng gỗ, lắp máy tàu từ 90CV-150CV, theo khảo sát có giá trị trung bình 560 triệu đồng. Đề xuất, mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn khoảng 7% giá trị tàu cá, tương ứng 40 triệu đồng, tăng 2 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá đến 90CV, tăng 1,66 lần so với mức đã hỗ trợ trong các năm: 2018, 2019, 2020.

2.4.2. Giá thành ngư cụ và trang thiết bị khai thác:

a) Đối với nhóm tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên:

Có 81 tàu cá làm các nghề khai thác: lưới chụp, lưới rê, nghề câu và hậu cần; kết quả khảo sát của Chi cục Thủy sản các nhóm nghề có cùng tổng mức đầu tư, đề xuất mức hỗ trợ như sau:

- Nhóm nghề lưới rê, lưới chụp có giá trị đầu tư khoảng 1.200 đến 2.000 triệu đồng, trung bình 1.600 triệu đồng/nghề. Giá trị đầu tư trang thiết bị (gồm: rada, máy dò cá, máy TTLL, thiết bị hàng hải khác, hệ thống tời, cẩu) trung bình khoảng: 900 triệu đồng. Tổng giá trị ngư cụ và trang thiết bị khoảng 2.500 triệu đồng. Do đó, đề xuất hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị, tương đương 125 triệu đồng.

- Nhóm nghề câu và hậu cần, có giá trị đầu tư khoảng 200 - 600 triệu đồng, trung bình 400 triệu đồng/nghề. Giá trị đầu tư trang thiết bị (gồm: rada, máy dò cá, máy TTLL, thiết bị hàng hải khác, hệ thống tời, cẩu) trung bình khoảng: 900 triệu đồng. Tổng giá trị ngư cụ và trang thiết bị khoảng 1.300 triệu đồng. Do đó, đề xuất hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị, tương đương 65 triệu đồng.

b) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m đến dưới 24m:

Có 1.013 tàu cá làm các nghề khai thác: lưới kéo 172 tàu, lưới vây 83 tàu, lưới chụp 221 tàu, lưới rê 159 tàu, nghề câu 111 tàu và hậu cần 67 tàu, lồng bẫy và nghề khác (pha xúc, te): 200 tàu; kết quả khảo sát của Chi cục Thủy sản các nhóm nghề có cùng tổng mức đầu tư, đề xuất mức hỗ trợ như sau:

- Nhóm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: giá trị đầu ừ 1.000 - 1.800 triệu đồng/tàu, mức giá trị trung bình khoảng 1.400 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị (thiết bị hàng hải máy đo sâu dò cá, ra da, VMS, TTLL, hệ thống cẩu, thu lưới, hệ thống dẫn dụ cá), giá trị đầu tư khoảng 800 triệu đồng. Tổng mức đầu tư ngư cụ và trang thiết bị khoảng 2.200 triệu đồng. Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị đầu tư, tương đương khoảng 110 triệu đồng, tăng 3,67 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá từ 150CV trở lên.

- Nhóm nghề lưới kéo, lồng bẫy, hậu cần: từ 200 - 600 triệu đồng/tàu, mức giá trị trung bình khoảng 400 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị (thiết bị hàng hải máy đo sâu dò cá, ra da, VMS, TTLL, hệ thống cẩu, thu lưới, hệ thống dẫn dụ cá), giá trị đầu tư khoảng 800 triệu đồng. Tổng mức đầu tư ngư cụ và trang thiết bị khoảng 1.200 triệu đồng. Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị đầu tư, tương đương khoảng 60 triệu đồng, tăng 2 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá từ 150CV trở lên.

- Nhóm nghề câu, pha xúc, te, nghề khác: từ 100 - 300 triệu đồng/tàu, mức giá trị trung bình khoảng 200 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị (thiết bị hàng hải máy đo sâu dò cá, ra da, VMS, TTLL, hệ thống cẩu, thu lưới, hệ thống dẫn dụ cá), giá trị đầu tư khoảng 500 triệu đồng. Tổng mức đầu tư ngư cụ và trang thiết bị khoảng 700 triệu đồng. Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị đầu tư, tương đương khoảng 35 triệu đồng, tăng 1,75 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá từ 90CV - 150CV.

c) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m đến dưới 15m:

Có 716 tàu cá làm các nghề khai thác: lưới kéo 246 tàu, lưới vây 18 tàu, lưới chụp 56 tàu, lưới rê 90 tàu, nghề câu 87 tàu và khác (lồng bẫy, pha xúc, te,...): 219 tàu; theo khảo sát của Chi cục Thủy sản các nhóm nghề có cùng tổng mức đầu tư, đề xuất mức hỗ trợ như sau.

- Nhóm nghề lưới vây, lưới rê, lưới chụp: giá trị đầu ừ 100 – 300 triệu đồng/tàu, mức giá trị trung bình khoảng 200 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị (thiết bị hàng hải máy, TTLL, hệ thống cẩu, thu lưới), giá trị đầu tư khoảng 300 triệu đồng. Tổng mức đầu tư ngư cụ và trang thiết bị khoảng 500 triệu đồng. Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị đầu tư, tương đương khoảng 25 triệu đồng, tăng 2,5 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá từ 40CV - 90CV.

- Nhóm nghề lưới kéo, câu, nghề khác: từ 50 - 200 triệu đồng/tàu, mức giá trị trung bình khoảng 100 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị (thiết bị hàng hải máy đo sâu dò cá, ra da, VMS, TTLL, hệ thống cẩu, thu lưới, hệ thống dẫn dụ cá), giá trị đầu tư khoảng 300 triệu đồng. Tổng mức đầu tư ngư cụ và trang thiết bị khoảng 400 triệu đồng. Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị đầu tư, tương đương khoảng 20 triệu đồng, tăng 2 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá từ 150CV.

d) Tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m: Nhóm nghề lưới kéo, lưới rê (then 1, 2, 3), câu, vó, chụp, nghề khác: từ 10 - 100 triệu đồng/tàu, mức giá trị trung bình khoảng 50 triệu đồng/tàu. Trang thiết bị (định vị, la bàn, máy TTLL, tời,..), giá trị đầu tư khoảng 50 triệu đồng. Tổng mức đầu tư ngư cụ và trang thiết bị khoảng 100 triệu đồng. Đề xuất mức hỗ trợ thiệt hại hoàn toàn bằng 5% tổng giá trị đầu tư, tương đương khoảng 5 triệu đồng, tăng 2 lần so với mức hỗ trợ tại Quyết định số 4643/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 đối với tàu cá dưới 40CV.

*(Chi tiết Phụ lục 3 tổng hợp số liệu khảo sát tàu cá kèm theo).*

**2.5. Trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện**

a) Đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra:

Sau khi nhận được thông báo của người dân Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo vụ việc tàu cá bị thiệt hại do thiên tai trên biển gửi Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Sở Nông nghiệp và PTNT.

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hội đồng kiểm tra bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã, đại diện các tổ chức xã hội, đại diện thôn, bản, tổ dân phố và mời cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Đồn Biên phòng/Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng/Hải đội Biên phòng lập biên bản kiểm tra, xác minh, đánh giá thiệt hại theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Kế hoạch đầu tư về việc hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra.

b) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày vụ việc tàu cá thiệt hại do thiên tai trên biển, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả tiếp nhận hồ sơ. Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy bản nhân dân cấp huyện có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ phải có văn bản thông báo cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nêu rõ yêu cầu bổ sung hoặc lý do trả lại hồ sơ.

- Bước 2: Trong thời gian 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định,

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài chính tổ chức thẩm định, thành phần gồm: đại diện Sở Tài Chính, đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đại diện Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, đại diện Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có tàu cá bị thiệt hại.

- Bước 3: Sau khi có kết quả thẩm định đủ điều kiện được hỗ trợ, Sở Tài chính gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc niêm yết công khai kết quả thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ tại hội trường Nhà văn hóa thôn và trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 5 ngày. Trường hợp sau thời gian niêm yết công khai mà có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 5 ngày làm việc Sở Tài chính tổ chức kiểm tra, thẩm định lại và hoàn chỉnh kết quả thẩm định, báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ. Trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, phải có văn bản thông báo nêu rõ lý do.

Sau khi kết thúc thời gian niêm yết công khai mà không có ý kiến khác về nội dung thẩm định và danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách, trong thời hạn 1 ngày làm việc Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ.

- Bước 4:Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ.

- Bước 5: Căn cứ Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ kế hoạch vốn hỗ trợ, trong thời hạn 3 ngày làm việc, Sở Tài chính thông báo bổ sung ngân sách cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chi trả cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

c) Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu 01).

- Bản chính Giấy xác nhận tàu cá bị thiệt hại do thiên tai trên biển của Đồn Biên phòng/Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng/Hải đội Biên phòng gần nơi tàu cá bị nạn (theo mẫu 02).

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6m trở lên mất tích, chìm, phá hủy, hư hỏng hoàn toàn).

- Bản sao chụp các loại giấy tờ quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

**2.6. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

- Đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

**2.7. Tổ chức thực hiện**

a) Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố, đồng thời kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thanh quyết toán kinh phí cho các đơn vị, địa phương theo quy định.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Tài chính, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác chi trả tại UBND các huyện, thị xã, thành phố đảm bảo theo quy định hiện hành. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo.

c) Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh và Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Chỉ đạo Đồn Biên phòng/Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng/Hải đội Biên phòng xác nhận cho các tổ chức, cá nhân bị rủi ro do thiên tai trên biển kiếm cứu nạn trên địa bàn quản lý.

d) Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Uỷ ban nhân dân cấp huyện thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến cộng đồng ngư dân về nội dung Quyết định này.

- Chỉ đạo Phòng chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị hỗ trợ.

- Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định, Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: VT, CCTS. | GIÁM ĐỐC Cao Văn Cường |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Mẫu 01

 **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ tàu cá thiệt hại do thiên tai trên biển**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Chủ tịch Uỷ ban nhân (xã/phường/thị trấn)………………………………………………………. |

**I. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:……………………………………….

2. Người đại diện (đối với tổ chức): ……………………………………………..

3. Số CMND/thẻ CCCD/Giấy chứng nhận ĐKKD/Mã số doanh nghiệp:

…...………………………………………………………………………………..

Ngày cấp:………………………...Nơi cấp .......................................................

4. Địa chỉ:…………………………………………………………………….

5. Số đăng ký tàu cá (nếu có): ………………………………………………....

6. Điện thoại:.……..………………………………………………………….

**II. Nội dung**

Đề nghị hỗ trợ tàu cá thiệt hại do thiên tai trên biển cho tàu cá với thông số kỹ thuật như sau:

Chiều dài lớn nhất:………..m; Tổng công suất:………..;Nghề:……….………..;

Mức thiệt hại do thiên tai:

- Đối với tàu cá:

Thiệt hại hoàn toàn [ ] ; Thiệt hại rất nặng [ ] ; Thiệt hại nặng [ ] ;

- Đối với ngư cụ:

Thiệt hại hoàn toàn [ ] ; Thiệt hại rất nặng [ ] ; Thiệt hại nặng [ ] ;

Đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân cấp xã báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ cho gia đình để sớm ổn định đời sống, tổ chức lại sản xuất, tạo việc làm cho lao động địa phương. Tôi xin cam kết nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20…***Người làm đơn***(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Mẫu 02

**GIẤY XÁC NHẬN**

**Tàu cá bị thiệt hại do thiên tai trên biển**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Đồn Biên phòng/Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng/Hải đội Biên phòng ………………………………………………………. |

**I. Thông tin chung**

1. Tên tổ chức hoặc hộ gia đình, cá nhân:……………………………………….

2. Người đại diện (đối với tổ chức): ……………………………………………..

3. Số CMND/thẻ CCCD/Giấy chứng nhận ĐKKD/Mã số doanh nghiệp:

…...………………………………………………………………………………..

Ngày cấp:………………………...Nơi cấp .......................................................

4. Địa chỉ:…………………………………………………………………………

5. Số đăng ký tàu cá (nếu có): ……………………………………………………

**II. Tôi làm đơn xin xác nhận nội dung sau:**

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

…...………………………………………………………………………………..

 Tôi xin cam kết nội dung trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Biên phòng***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)* | *………,ngày ….. tháng ….. năm 20…***Người làm đơn***(Ký, ghi rõ họ và tên)* |